

## THE HISTORICAL VESTIGE OF GIENG NUOC HOSPITAL - THE SACRIFICE SITE OF PARTY LEADERS AFTER THE 1941 NAM KY UPRISING

Le Thi Huyen

*Southern Institute of Social Sciences*

ARTICLE INFO		ABSTRACT
<b>Received:</b>	<b>15/9/2025</b>	Following the Southern Uprising, the French colonial authorities established several execution sites to suppress revolutionary movements. Among these, the Gieng nuoc Hospital in Hoc Mon – Gia Dinh province (now known as Hoc Mon commune, Ho Chi Minh City) became one of the most significant locations, where on August 28, 1941, Party leaders Ha Huy Tap, Nguyen Thi Minh Khai, Vo Van Tan, and Nguyen Huu Tien were executed. This article introduces the Gieng nuoc Hospital as a historical site, examining the revolutionary activities of Party leaders from 1930 to 1941 and evaluating its significance for the education of revolutionary traditions in contemporary Vietnam. Methodologically, the study employs historical research, field surveys, and in-depth interviews with eyewitnesses. The findings clarify four main issues: (1) an overview of the Southern Uprising; (2) Gieng nuoc Hospital as an execution site; (3) the sacrifice of Party leaders at the site; and (4) The historical significance of the Gieng Nuoc Hospital. The research results reveal the resilient and indomitable patriotism of the people of Hoc Mon in particular and Southern Vietnam in general.
<b>Revised:</b>	<b>10/12/2025</b>	
<b>Published:</b>	<b>10/12/2025</b>	

### KEYWORDS

Gieng nuoc Hospital  
Hoc Mon  
Southern Uprising  
Execution site  
Revolution

## CHỨNG TÍCH LỊCH SỬ NHÀ THƯƠNG GIỀNG NƯỚC NƠI HI SINH CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG SAU CUỘC KHỞI NGHĨA NAM KỶ NĂM 1941

Lê Thị Huyền

*Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ*

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
<b>Ngày nhận bài:</b>	<b>15/9/2025</b>	Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, thực dân Pháp dựng lên nhiều trường bắn nhằm xử tử các đồng chí lãnh đạo Đảng và các chiến sĩ tham gia khởi nghĩa. Chứng tích lịch sử Nhà thương Giềng nước là một trong ba trường bắn Pháp dựng lên ở Hóc Môn – tỉnh Gia Định (nay là xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh) để xử tử các đồng chí lãnh đạo Đảng: Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiễn vào ngày 28 tháng 8 năm 1941. Mục đích của bài viết là giới thiệu chứng tích lịch sử Nhà thương Giềng nước, trong đó thấy được quá trình hoạt động cách mạng của các đồng chí lãnh đạo Đảng giai đoạn 1930-1941, và đánh giá ý nghĩa của chứng tích trong việc giáo dục truyền thống cách mạng hiện nay. Bằng phương pháp nghiên cứu sử học, phương pháp khảo sát thực tế, phỏng vấn sâu các nhân chứng lịch sử, kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề sau: (1) Khái quát về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ; (2) Nhà thương Giềng nước nơi diễn ra cuộc hành quyết; (3) Các đồng chí lãnh đạo Đảng hi sinh tại nhà thương Giềng nước; (4) Ý nghĩa của chứng tích lịch sử Nhà thương Giềng nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy tinh thần yêu nước đầy kiên cường, bất khuất của người dân Hóc Môn nói riêng và Nam Kỳ nói chung.
<b>Ngày hoàn thiện:</b>	<b>10/12/2025</b>	
<b>Ngày đăng:</b>	<b>10/12/2025</b>	

### TỪ KHÓA

Nhà thương Giềng nước  
Hóc Môn  
Khởi nghĩa Nam Kỳ  
Trường bắn  
Cách mạng

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13603>

Email: [lehuyemb.siss@gmail.com](mailto:lehuyemb.siss@gmail.com)

<http://jst.tnu.edu.vn>

96

Email: [jst@tnu.edu.vn](mailto:jst@tnu.edu.vn)

## 1. Giới thiệu

Hóc Môn là địa phương nằm ở phía Tây Bắc Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vùng đất có truyền thống văn hóa - lịch sử lâu đời, gắn với quá trình hình thành và phát triển của Gia Định – Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh từ thời kỳ khẩn hoang cho đến nay. Trong phong trào cách mạng đầu thế kỷ XX, Hóc Môn là cơ sở hoạt động của Trung ương Đảng, Xứ ủy và Tỉnh ủy giai đoạn 1930-1939. Nhiều cán bộ lãnh đạo của Đảng sinh sống và làm việc ở Hóc Môn, được người dân Hóc Môn chở che, bảo vệ. Hóc Môn là địa phương duy nhất ở Nam Bộ diễn ra 05 cuộc Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng, đó là: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng *lần thứ hai* tháng 3/1937; Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng *lần thứ ba* tháng 9/1937; Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng *lần thứ tư* tháng 3/1938; Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng *lần thứ năm* – 1938; Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương *lần thứ sáu* tháng 11/1939. Hóc Môn là nơi Xứ ủy họp phát lệnh khởi nghĩa Nam Kỳ vào tháng 9 năm 1940. Hiện nay, theo Nghị quyết số 25 năm 2025 về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã ở Thành phố Hồ Chí Minh, huyện Hóc Môn được thành lập 4 đơn vị hành chính cấp xã là Hóc Môn, Bà Điểm, Xuân Thới Sơn, Đông Thạnh.

Một số công trình liên quan đến chủ đề nghiên cứu như Ngã ba Giồng – Di tích lịch sử gắn với cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ [1] của tác giả Lê Thị Huyền. Bài viết giới thiệu về lịch sử hình thành của di tích Ngã ba Giồng – Hóc Môn, đây là trường bắn thứ 3 mà Pháp dựng lên để xử tử đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Phan Đăng Lưu cùng các chiến sĩ Nam Kỳ vào ngày 28/8/1941. Trong một nghiên cứu khác, tác giả Lê Thị Huyền đã hệ thống di tích lịch sử cách mạng được công nhận và các chứng tích lịch sử ở huyện Hóc Môn<sup>1</sup>, Thành phố Hồ Chí Minh và các chứng tích lịch sử, trong đó có chứng tích lịch sử Nhà thương Giếng nước [2]. Tác giả nghiên cứu về nguồn gốc hình thành, thực trạng và ý nghĩa lịch sử của chứng tích theo trình tự thời gian gắn với các sự kiện lịch sử diễn ra ở đây. Có thể nói, cho đến hiện nay đây là các nghiên cứu hệ thống về các di tích, chứng tích lịch sử ở Hóc Môn, không chỉ có ý nghĩa thực tiễn mà còn có giá trị về sử liệu. Tạ Ngọc Tấn [3], Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh [4], Đặng Huyền Trang [5] công bố nghiên cứu về đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai là người chiến sĩ cộng sản khí phách, anh hùng và hi sinh cả cuộc đời vì nền độc lập của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Theo đó, bà hi sinh khi tuổi đời còn rất trẻ (31 tuổi), lúc đó con gái cũng mới chào đời. Bà đã dâng trọn cuộc đời, xương máu cho cách mạng. Trong kí ức của người Hóc Môn về bà, khi chứng kiến cảnh bà bị thực dân Pháp bắn – vừa hiên ngang, bất khuất, vừa yêu thương, kính trọng. Cái chết đó đã thôi thúc và đẩy lên tinh thần yêu nước của người Hóc Môn một cách mạnh mẽ và quyết liệt. Nguyễn Trọng Phúc [6], Nguyễn Xuân Trung [7], Nguyễn Thị Kim Dung [8], Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh [9], Đặng Duy Báu [10], Lê Khiêm [11], và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia [12] đã có các nghiên cứu, giới thiệu về cuộc đời, sự nghiệp và các sáng tác của Tổng Bí thư Hà Huy Tập, nhận định ông là người cộng sản kiên cường, dâng hiến trọn tuổi xuân cho cách mạng, cho sự nghiệp vẻ vang của Đảng, của dân. Với tài năng lãnh đạo, ông đã có những đóng góp to lớn cho cách mạng Việt Nam, là tấm gương sáng về người cộng sản. Bên cạnh đó, các công trình đã giới thiệu nơi hi sinh của đồng chí Hà Huy Tập tại nhà thương Giếng nước (quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định nay là xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh). Nguyễn Quốc Dũng và cộng sự [13], Đặng Văn Thái [14] nghiên cứu về đồng chí Võ Văn Tần là người chiến sĩ cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam; Nhà xuất bản Chính trị sự thật quốc gia [15] và Sở Nội vụ tỉnh Hà Nam [16] (nay là tỉnh Ninh Bình) cũng đã giới thiệu về cuộc đời hoạt động cách mạng của ông từ khi ở quê nhà, cho đến lúc hi sinh tại nhà thương Giếng nước năm 1941... Nguồn tư liệu trên đã bổ sung thêm các sử liệu cho nghiên cứu về nhiều phương diện như nguồn gốc hình thành chứng tích Nhà thương Giếng

<sup>1</sup> Nghiên cứu này của chúng tôi thực hiện từ năm 2024 – trước khi ban hành Nghị quyết số 25 năm 2025 về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, huyện Hóc Môn là địa giới của 4 xã Hóc Môn, Bà Điểm, Xuân Thới Sơn, Xuân Thới Thượng.

nước, về sự kiện lịch sử diễn ra tại chứng tích và các nhân vật lịch sử. Vì vậy, mục đích của nghiên cứu hướng đến là giới thiệu về chứng tích lịch sử Nhà thương Giếng nước ở Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với nhiều ý nghĩa và giá trị lịch sử, gắn với sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước. Bên cạnh đó, qua nghiên cứu cho thấy sự hi sinh xương máu của các đồng chí lãnh đạo Đảng cùng nhân dân Hóc Môn trong đấu tranh giành độc của dân tộc.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thiện nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu lịch sử, khảo sát thực tế, phỏng vấn sâu. Trong đó, phương pháp nghiên cứu lịch sử là phương pháp chính của bài viết, giúp hệ thống tư liệu nhằm xây dựng và tái hiện các sự kiện lịch sử liên quan đến chứng tích lịch sử nhà thương Giếng nước năm 1941 tại Hóc Môn, tỉnh Gia Định (nay là xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh) theo dòng lịch sử và trình tự thời gian nhất định.

Phương pháp khảo sát: Bên cạnh việc khảo cứu sử liệu, chúng tôi tiến hành khảo sát thực tiễn tại chứng tích, với hiện trạng chỉ có tấm bia dựng trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa Hóc Môn. Đồng thời, chúng tôi tham dự ngày lễ giỗ của các đồng chí lãnh đạo Đảng đã hi sinh tại Nhà thương Giếng nước do Huyện ủy, UBND huyện Hóc Môn tổ chức vào ngày 28/8 hằng năm. Qua đó, góp phần hiểu sâu sắc hơn phong trào cách mạng ở Nam Kỳ những năm 1940, đồng thời thấy được sự hi sinh của các đồng chí lãnh đạo Đảng thời kỳ 1930 - 1941.

Phương pháp phỏng vấn sâu: Chúng tôi phỏng vấn sâu các nhân chứng lịch sử là cán bộ lão thành cách mạng ở Hóc Môn – là người con của Hóc Môn, năm 2024 tròn 100 tuổi, cũng là người chứng kiến sự kiện thực dân Pháp hành quyết các đồng chí lãnh đạo Đảng tại nhà thương Giếng nước. Ngoài ra, chúng tôi phỏng vấn sâu gia đình bà Nguyễn Thị Sóc (Bà Điềm, Hóc Môn) – đây là nơi trực tiếp nuôi giấu các đồng chí lãnh đạo Trung ương và Xứ ủy, tỉnh ủy như Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Tây, Võ Văn Ngân, Võ Văn Tần, Lê Văn Khương, Bùi Văn Thủ, Bùi Văn Ngừ, Nguyễn Văn Trân... từ năm 1936-1939. Nơi đây còn là trụ sở của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1936-1939, là nơi in ấn tài liệu, báo Đảng từ năm 1933 -1936. Gia đình bà Nguyễn Thị Sóc cũng đã chăm sóc con gái Nguyễn Thị Minh Khai khi bà bị bắt. Đây là tư liệu “sống” ghi lại những ký ức của người trong cuộc – làm phong phú thêm nguồn sử liệu.

## 3. Kết quả và bàn luận

### 3.1. Vài nét về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ

#### 3.1.1. Diễn biến cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ

Vào ngày 22 tháng 11 năm 1940, kế hoạch cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị bại lộ, tuy không có tiếng súng báo lệnh nhưng các địa phương vẫn thực hiện tổ chức khởi nghĩa theo chỉ đạo của Xứ ủy trước đó, từ đêm ngày 22 và rạng sáng ngày 23 tháng 11 năm 1940, toàn Nam Kỳ có 18/21 tỉnh thành diễn ra cuộc khởi nghĩa như Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, Long Xuyên, Bạc Liêu, Bến Tre, Châu Đốc, Sa Đéc, Rạch Giá, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa... Nhiều địa phương đã làm chủ được chính quyền đến 49 ngày, bắt và xét xử lưu động những người phản động, thành lập chính quyền cách mạng cơ sở, tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân nghèo, lấy lương thực nuôi nghĩa quân. Khi bị địch phản kích, các địa phương đã chủ động xây dựng các đội du kích; tiểu ban quân sự và tác chiến; tiểu ban tạo tác; tiểu ban tiếp tế, tiếp liệu; tiểu ban y tế, cứu tế; tiểu ban tuyên truyền, báo chí... Tại tỉnh Gia Định, khi có lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy, Tỉnh ủy đã vạch ra năm điểm để tấn công vào ngày khởi nghĩa, gồm: 1) Tấn công vào đồn bốt địch, giành chính quyền ở xã, quận, tỉnh; 2) Đánh xe nhà binh cướp vũ khí để tự trang bị thêm; 3) Phá hoại giao thông, cắt cầu, đường, dây điện thoại; 4) Đánh phá và chiếm sân bay Tân Sơn Nhất; 5) Đưa lực lượng vào Sài Gòn phá khám lớn giải thoát tù nhân, tiếp sức với Sài Gòn khởi nghĩa [17, tr.51]. Các quận, huyện Gò Vấp, Hóc Môn, Nhà Bè, Thủ Đức được phân công nhiệm vụ cụ thể và triển khai thực hiện vào ngày khởi nghĩa. Tuy

nhiên, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nhanh chóng bị thực dân Pháp dập tắt và chìm trong biển máu, nhưng tinh thần chiến đấu anh hùng, oanh liệt thể hiện một khí phách hiên ngang, bất khuất của những người cộng sản. Và cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ là một cuộc khởi nghĩa rộng khắp, mạnh mẽ nhất kể từ khi Pháp xâm lược Việt Nam, đồng thời đây là “cuộc khởi nghĩa vũ trang của quần chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Quần chúng có tổ chức đã dùng bạo lực cách mạng kết hợp với lực lượng vũ trang với lực lượng chính trị tiến công làm tan rã từng mảng chính quyền tay sai của Pháp ở cơ sở” [17, tr.48].

### 3.1.2. Thực dân Pháp đàn áp cuộc khởi nghĩa

Ngày 22/11/1940, Pháp bắt được đồng chí Tạ Uyên - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy, đồng chí Nguyễn Như Hạnh - Bí thư Thành ủy và kế hoạch khởi nghĩa Nam Kỳ bại lộ. Để đối phó với cuộc khởi nghĩa rộng khắp Nam Kỳ, từ 21 giờ ngày 22 tháng 11, Pháp cho lính bủa đi tuần khắp các đường phố chính, kiểm soát giấy tờ những người đi từ ngoài vào thành phố, cho xe mô tô găm rú khắp ngã đường... Sáng ngày 23 tháng 11, Toàn quyền Đông Dương Decoux điện thoại cho các xứ yêu cầu sẵn sàng chuẩn bị đối phó với trường hợp mà những rắc rối như thế có thể trở thành phong trào chung toàn Đông Dương. Đặc biệt với Nam Kỳ “hãy dùng quyền lực và an ninh thi hành ngay tức khắc những biện pháp có hiệu lực. Cần phải đuổi những tên cầm đầu phiến loạn Nam Kỳ và bắt chúng không thương tiếc và những tên đã bị giam giữ tuyệt đối không cho liên lạc với bên ngoài” [18, tr. 87-89]. “Cuộc bạo động ấy (ý chỉ cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ), các người vẫn biết là của cộng sản gây ra, sẽ bị đàn áp thẳng tay tức thì, vì cần phải như vậy. Bỏ chức đã chẳng dung thứ và chẳng hề dung thứ trong tương lai cho một nhóm người phản nghịch nào cả gan quấy rối, xứ này là xứ đã giao cho bổn chức giữ cuộc trị an” [19, tr. 483]. Lập tức, Pháp điều động cả hải, lục, không quân tối tân, hiện đại để đàn áp cuộc nổi dậy của nhân dân ta. Mỗi lần huy động hàng chục máy bay, xe thiết giáp, xe cơ giới, tàu chiến với tiểu đoàn và lính lê dương nhằm càn quét, thả bom, bắn giết dân lành khắp Nam Bộ. Tất cả các tên cò, cầm, lính nào cũng có quyền bắn giết, tra tấn mà không cần phải báo cáo, xin phép. Theo Hội đồng biên soạn Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ [5], trong khoảng thời gian hơn 1 tháng từ ngày 23 tháng 11 đến ngày 31 tháng 12 năm 1940, Pháp đã bắt những người tham gia khởi nghĩa ở các địa phương toàn Nam Kỳ là 5.484 người, bao gồm: Liên tỉnh Gia Định – 903 người, liên tỉnh Mỹ Tho 2901 người, liên tỉnh Cần Thơ 1.729, liên tỉnh Long Xuyên 630 người. Chưa kể, Pháp vẫn tiếp tục bắt những người khởi nghĩa cho đến trước cách mạng Tháng tám 1945. Như vậy, con số bị bắt có thể lớn hơn nhiều so với con số mà Pháp đưa ra cuối năm 1940. Trong một thời gian ngắn, Pháp bắt giết những người tham gia khởi nghĩa với số lượng rất lớn, nên không có chỗ giam giữ phải dùng đến nhà chung, sà lan, khám lớn, kho hàng. Hiện tượng người người xếp lớp ở các nhà tù trong thời tiết nóng bức, mất vệ sinh và bệnh tật, “Trên một xà lan bằng thép, thực dân Pháp nhốt khoảng 200 người, dưới thời tiết oi bức và ánh nắng gay gắt của mùa khô, lại thiếu nước uống, không có nước vệ sinh, thiếu ăn, bệnh tật nhất là ghẻ lở sâu quảng, hoại thư, mùi hôi thối nồng nặc tỏa ra hàng hai, ba kilomet” [5, tr.488]. Số lượng tù nhân tăng vọt sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ buộc Pháp phải đưa tù nhân đến đồn Cây Mai, kho hàng của hãng Rondon và Công ty, nhà tù Phú Mỹ, chuyên đi Côn Đảo, đưa vào trại Ông Yểm (Thủ Dầu Một). Nhà tù tại các tỉnh và các khám lớn ở Nam Kỳ đều không còn chỗ chứa, và vượt qui định số lượng người giam 3-4 lần. Kể từ tháng 01 năm 1941, Pháp đưa những người bị bắt ra xét xử gần 3.000 người, kết án tử hình là 158 người, trong đó có nhiều đồng chí lãnh đạo Trung ương, Xứ ủy, Tỉnh ủy Gia Định – Chợ Lớn. Các năm sau đó, Pháp tiếp tục lùng bắt những người nổi dậy và các chiến sĩ du kích chiến đấu trong vùng Đồng Tháp Mười, có thể nói chưa có cuộc nổi dậy nào bị thực dân Pháp xử tử hình, chung thân và các loại tù khác nhiều như cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Và chưa kể đến hàng trăm, hàng nghìn người khác bị Pháp bắn chết trong các cuộc càn quét và ném bom, hoặc bị tra tấn đến chết, thủ tiêu ngầm trong tù, chặt đầu bêu chợ [19, tr.499-500]. Và sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Pháp đã dựng lên nhiều trường bắn ở Nam Kỳ để xử tử những người mà chúng kết án tử hình, trong đó có trường bắn Nhà thương Giếng nước ở Hóc Môn.

### 3.2. Nhà thương Giếng nước nơi diễn ra cuộc hành quyết

#### 3.2.1. Nguồn gốc

Từ sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6, thực dân Pháp tăng cường bắt lính, vơ vét của cải nhằm cung cấp nguồn lực phục vụ chiến tranh đế quốc. Trong giai đoạn này, nhiều đồng chí Trung ương và xứ ủy bị bắt như: Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư Đảng, Lê Duẩn - Ủy viên Thường vụ Trung ương, Nguyễn Văn Nghi - Ủy viên thường vụ Xứ ủy, Trịnh Ân - Ủy viên thường vụ Xứ ủy, Bùi Văn Ngũ - Bí thư tỉnh ủy Gia Định. Ngày 21/4/1940, Pháp bắt đồng chí Võ Văn Tần - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy tại xã Tân Xuân, Hóc Môn, Gia Định. Ngày 30 tháng 7 năm 1940, Pháp bắt đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và Nguyễn Hữu Tiến và hơn 10 người khác ở Chợ Lớn. Như vậy, Xứ ủy mất thêm lãnh đạo, Thành ủy mất bí thư, tờ báo Tiến Lên - cơ quan ngôn luận của Mặt trận phản đế do Trung ương Đảng chủ trương và Xứ ủy trực tiếp quản lý phải chuyển về Vĩnh Long và miền Trung Nam Kỳ [18, tr.87-89]. Khi đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và Nguyễn Hữu Tiến bị bắt đã liệt kê được 74 tài liệu như sách chữ quốc ngữ, sách chữ Pháp, sách chữ Trung Quốc, truyền đơn bằng tiếng Pháp, báo chí, tài liệu in đá, tài liệu in sao, tài liệu ghi tay, tài liệu trong 1 gói bên ngoài ghi Chợ Lớn, dụng cụ in ấn. Có thể thấy, trong đợt khủng bố tháng 9 năm 1939 và các cuộc bắt bớ làm cho Đảng bộ Nam Kỳ bị tổn thất nặng nề. Tình hình tổ chức Đảng ở Nam Kỳ gặp nhiều khó khăn sau khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11 năm 1940), khi thực dân Pháp bắt giam và tuyên án tử hình nhiều đồng chí lãnh đạo như Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến vào ngày 28 tháng 8 năm 1941, tại Nhà thương Giếng nước - nay là khuôn viên Bệnh viện đa khoa Hóc Môn, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 3.2.2. Sự kiện

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, thực dân Pháp dựng lên 3 trường bắn ở quận Hóc Môn (nay là 4 xã Hóc Môn, Bà Điểm, Xuân Thới Thượng và Đông Thạnh) gồm: Trường bắn Rạp hát - chợ Hóc Môn; Trường bắn Nhà thương Giếng nước (còn gọi là ngã tư Giếng nước, Sở Gà); Trường bắn Ngã ba Giồng. Tại trường bắn Nhà thương Giếng nước, thực dân Pháp đã sát hại các đồng chí lãnh đạo Đảng:

- Đồng chí Hà Huy Tập (1906-1941) – nguyên Tổng Bí thư Đảng cộng sản Đông Dương;
- Đồng chí Võ Văn Tần (1891-1941) – nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ;
- Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai (1910-1941) – nguyên Xứ ủy viên, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn;
- Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến (1901-1941) – nguyên Thành ủy viên Sài Gòn - Chợ Lớn.

Hiện nay, trường bắn Nhà thương Giếng nước được dựng bia tưởng niệm nên còn có tên gọi Bia tưởng niệm Nhà thương Giếng nước nằm trong khuôn viên Bệnh viện đa khoa Hóc Môn, thuộc thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra, Pháp kết tội tử hình đối với các đồng chí Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến – với tội danh “chịu trách nhiệm với cuộc khởi nghĩa”. Vì vậy, khi xử bắn, Pháp cho người dân đến chứng kiến với mục đích uy hiếp tinh thần ngấm ám chỉ cái giá phải trả cho việc tham gia cách mạng và chống đối thực dân Pháp. Sau nhiều lần xét xử, sáng sớm ngày 28 tháng 8 năm 1941, địch báo tên các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần (tức Biện Tân), Nguyễn Hữu Tiến (tức Trương Xuân Chinh có tài liệu ghi là Trương Xuân Trinh) và hai người nữa là Nguyễn Văn Huân và Nguyễn Văn Tây (tức Cu) [19, tr.501] bị dẫn đi xử bắn. Khi biết dẫn đi xử bắn, ngay tức khắc đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai hét to biểu lộ sự căm thù: “Đã đảo bọn đế quốc đã man giết người!”, “Đã đảo bọn đế quốc đã man giết người!”. Mọi người đồng thanh hô theo vang dội. Hoảng sợ trước thái độ phản ứng của những tử tù và lo lắng những người tù khác bị kích động, tên chỉ huy Pháp vội ra lệnh nhét giẻ vào miệng đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai nhằm cấm khẩu. Tại trường bắn, khi bị bịt mắt và trói vào cọc, các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập,

Nguyễn Hữu Tiến, Võ Văn Tần, Nguyễn Văn Huân đã hô vang “những khẩu hiệu cộng sản”, cho đến lúc tiếng súng bắn các đồng chí nổ vang [19, tr.503]. Theo lời kể của cô Lê Thị Hồng Minh (84 tuổi, Hóc Môn), “mẹ cô kể lại ngày bắn dì Khai ở nhà thương Giếng nước, nhiều người dân đến chứng kiến lắm. Dì Khai lúc đó tay bị còng, mắt bị bịt một dải vải màu đen, khi quân Pháp dẫn dì từ xe khám xuống, dì rất hiên ngang, không hề sợ hãi và hô vang khẩu hiệu Đảng Cộng sản muôn năm – Khai này ngã xuống sẽ còn nhiều Khai khác đứng lên. Lúc dì bị bắn, chị Hồng Minh con gái dì còn nhỏ lắm, gửi dì Hai Sóc và mẹ cô chăm sóc, sau một thời gian được người của Trung ương mang đi”. Ngày xử bắn, bác Trương Thành Hỷ (100 tuổi, Hóc Môn) nhớ lại: hôm xử bắn chị Khai, người dân Hóc Môn đau xót và phẫn uất lắm. Hôm đó, xe chạy rần rần, tôi đoán thế nào sự cũng chẳng lành, bởi tiếng xe đó chỉ có Pháp chở những người tham gia khởi nghĩa lên Hóc Môn xử bắn. Và khi bắn chị Khai hay các đồng chí lãnh đạo Đảng chúng đều không báo trước, vì sợ dân tình bạo loạn và cướp xác. Chị Khai lúc bị bắn còn rất trẻ, người dân đến xem rất đông, ngoài khu vực được xem, nhiều người còn trèo lên cây cau để xem. Việc Pháp xử bắn chị Khai đã kích động lòng yêu nước sâu sắc trong quần chúng, quyết đánh đuổi sự đàn áp, bóc lột của thực dân Pháp.

### **3.3. Các đồng chí lãnh đạo Đảng hi sinh tại Nhà thương Giếng nước năm 1941**

#### **3.3.1. Đồng chí Hà Huy Tập (1906-1941) – nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương**

Hà Huy Tập sinh ngày 24/4/1906 tại làng Kim Nặc, xã Cẩm Hùng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh trong một gia đình nông dân. Tên lúc nhỏ của ông là Hà Huy Khiêm, cha ông là Hà Huy Trương đỗ công sinh, mẹ là Nguyễn Thị Lộc. Từ năm 1910-1919 học tiểu học ở tỉnh lỵ Hà Tĩnh. Từ năm 1919-1923 học trung học ở Quốc học Huế, tốt nghiệp hạng ưu. Sau đó, ông vào dạy học ở Nha Trang rồi bị trục xuất khỏi Nha Trang, với lý do chống chế độ chuyên chế và chống Pháp. Năm 1926, ông trở về Vinh (Nghệ An) dạy học ở trường Cao Xuân Dục và hoạt động trong Hội Phục Việt. Ông tổ chức ba lớp học cho công nhân ở Vinh ngoài kiến thức văn hóa còn mở các lớp bồi dưỡng về chính trị cơ bản. Khi thấy tư tưởng của lớp tiến triển nhanh và nhận thấy sự nguy hiểm của Hội Phục Việt nên Pháp đã sa thải ông. Tháng 3 năm 1927, ông vào Sài Gòn và xin dạy ở một trường tư thục. Đến năm 1929, ông bị sa thải vì đã kích động nhiều cuộc biểu tình của học sinh chống lại chế độ bóc lột của nhà trường. Sau đó, ông xin làm ở hiệu buôn rồi làm nhân viên cho một đồn điền trồng mía [12, tr.17]. Thời gian ở Sài Gòn, ông đã lập Tân Việt Đảng và làm Bí thư. Năm đó, ông được cử sang Trung Quốc để bàn về sự hợp nhất với hội Việt Nam cách mạng thanh niên và được cử đi học tại trường Đại học Phương Đông. Tháng 5 năm 1929, ông bắt đầu học tập tại trường Đại học Lao động cộng sản Phương Đông Matcova. Tháng 4-1933, ông được Quốc tế Cộng sản chỉ định tham gia Ban Chỉ huy Hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương, do Lê Hồng Phong làm Thư ký. Tháng 3-1935, tại Đại hội I của Đảng Cộng sản Đông Dương ở Ma Cao, Lê Hồng Phong được bầu làm Tổng Bí thư. Hà Huy Tập được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và được cử vào cương vị Thư ký Ban Chỉ huy Hải ngoại. Sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất, cơ quan của Trung ương Đảng chuyển về hoạt động tại Bà Điểm, quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định. Ngày 29 và 30 tháng 3 năm 1938, đồng chí Hà Huy Tập chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai tại Bà Điểm, Hóc Môn bàn về thành lập mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương. Hội nghị đã bầu bổ sung Ban Chấp hành Trung ương, Ban Thường vụ Trung ương và Nguyễn Văn Cừ được bầu làm Tổng Bí thư thay Hà Huy Tập [9, tr.3]. Ngày 01-5-1938, ông dự ngày Quốc tế Lao động tại Sài Gòn, do có chỉ điểm ông bị bắt và bị trục xuất khỏi Nam Kỳ và bị đưa về quê quản thúc. Đến ngày 30-3-1940, ông bị bắt lại và đưa vào Nam Kỳ để xét xử. Ngày 25-10 năm đó, ông bị thực dân Pháp xử tuyên án 5 năm tù giam. Ngày 25-3-1941, chính quyền Pháp đổi bản án của ông thành án tử hình vì “chịu trách nhiệm tinh thần về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ”. Trước tòa, ông tuyên bố “Tôi chẳng có gì phải hối tiếc. Nếu còn sống tôi sẽ tiếp tục hoạt động” [11, tr.2]. Hà Huy Tập là một nhà lãnh đạo – Tổng Bí thư Đảng giai đoạn 1936-1938, là giai đoạn đầy khó khăn và thử thách của Đảng ta, ngoài ra ông còn để lại 14 bài viết và văn kiện, 20 tác phẩm sách báo, một số tác phẩm nổi tiếng như: Lịch sử của Tân

Việt cách mạng Đảng 1929; Hoạt động của Đảng cộng sản Đông Dương 1931; Đảng Cộng sản Đông Dương đứng trước chủ nghĩa cải lương quốc gia 1932; Kỷ niệm ba năm ngày Đảng Cộng sản Đông Dương thống nhất 1932 [10, tr.3]... Trong các tác phẩm của mình, ông thường lấy bút danh Hồng Thế Công, Thanh Hương. Về gia đình, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Giáo và có 1 con gái tên là Hà Thị Thúy Hồng (sinh năm 1929). Ngày 28 tháng 8 năm 1941, Pháp xử tử ông tại Nhà thương Giếng nước, quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định (nay là Bệnh viện Đa khoa huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh).

### 3.3.2. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai (1910-1941) – nguyên Xứ ủy viên, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn

Nguyễn Thị Minh Khai, tên thật là Nguyễn Thị Vịnh, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1910 (tức ngày 30 tháng 9 năm Canh Tuất âm lịch) tại xã Vĩnh Yên, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Cha của bà là Nguyễn Huy Bình, người ở xã Nhân Chính, Từ Liêm, Hà Nội, làm công chức hỏa xa ở Vinh từ năm 1907. Mẹ bà tên là Đậu Thị Thư, quê ở xã Đức Tùng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Thị Minh Khai kết hôn với đồng chí Lê Hồng Phong – nguyên Tổng Bí thư Đảng cộng sản Đông Dương thời kỳ 1935-1936. Hai người có một con gái là Lê Nguyễn Hồng Minh, sinh năm 1939. Bà có hai người em là Nguyễn Thị Quang Thái (1915-1944) là người vợ đầu tiên của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Người em trai là Nguyễn Huy Dung là GS.BS tim mạch, nguyên Phó Giám đốc bệnh viện Chợ Rẫy, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1919, bà bắt đầu học chữ quốc ngữ, học ở trường nữ sinh thành phố Vinh, sau đó chuyển sang trường Cao Xuân Dục. Từ nhỏ, bà thể hiện tư chất thông minh, nhanh nhẹn và rất thẳng thắn. Năm 1927, Nguyễn Thị Minh Khai được giới thiệu vào Tân Việt cách mạng Đảng, ít lâu sau được cử vào Ban chấp hành tỉnh lộ Nghệ An, giao nhiệm vụ tổ chức Hội Phụ nữ ở thành phố Vinh. Sau đó được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, phụ trách công tác tuyên truyền, huấn luyện đảng viên ở các nhà máy Trường Thi, Bến Thủy, thành phố Vinh. Năm 1930, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai được điều động công tác ở Hải Phòng và được cử sang Hương Cảng, Trung Quốc làm việc ở văn phòng Đông Phương Bộ của Quốc tế Cộng sản. Tại đây, bà được Nguyễn Ái Quốc giáo dục về lý luận, chính trị, kinh nghiệm hoạt động cách mạng. Năm 1931, bà bị bắt ở Hồng Kông và giao cho chính quyền phản động ở Quảng Châu và ngồi tù 3 năm. Đến năm 1934 do có sự can thiệp của hội Quốc tế cứu tế đỏ, bà được thả tự do và tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1934, bà được cử làm đại biểu chính thức đi dự Đại hội lần thứ bảy Quốc tế Cộng sản tại Moscow cùng với Lê Hồng Phong và Hoàng Văn Nọn [4, tr.3]. Tháng 7 năm 1935, lần đầu tiên, tại Đại hội Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai với bút danh Phan Lan đã trình bày tham luận lên án chính sách xâm lược của thực dân Pháp, tố cáo tội ác dã man của thực dân nêu cao tinh thần đấu tranh cách mạng của phụ nữ Đông Dương và phụ nữ Việt Nam. Sau Đại hội, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai ở lại học tại Trường Đại học Phương Đông. Tháng 3 năm 1936, bà trở về nước và báo cáo chỉ thị của Quốc tế cộng sản cho Ban lãnh đạo Đảng. Sau đó, bà được phân công công tác tại Sài Gòn-Chợ Lớn. Nơi đây là đầu não của địch, đồng thời nơi có phong trào đấu tranh mạnh mẽ của công nhân, và người lao động. Trong nội bộ Đảng, bà phải đấu tranh để chống những tư tưởng tả khuynh, cô độc, hẹp hòi, tư tưởng hữu khuynh hợp tác vô nguyên tắc với bọn tờ-rốt-kít, để giữ vững đường lối, nguyên tắc của Đảng. Với thực tiễn phong trào cách mạng ở Sài Gòn – Chợ Lớn giai đoạn này, bà lãnh đạo các cuộc đình công của công nhân, các cuộc mít tinh biểu tình, đòi quyền tự do dân chủ, cơm áo, hòa bình... [20, tr.217-228].

Tháng 9 năm 1939, chiến tranh thế giới nổ ra, Xứ ủy Nam Kỳ họp hội nghị nhận định tình hình và đề ra chủ trương khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 30 tháng 7 năm 1940, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai bị bắt và giam tại bốt Catinat. Pháp đưa đồng chí Lê Hồng Phong về nhận mặt vợ mình để lấy chứng cứ kết án xử tử hình cả hai người về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Nhưng chúng đã thất bại vì hai người không khai nhận, kể cả mối quan hệ vợ chồng với nhau. Tra khảo không được, Pháp đưa đồng chí vào giam ở Khám Lớn Sài Gòn. Sau 8 tháng giam cầm, tra tấn và dụ dỗ, ngày 21 tháng 01 năm 1941, thực dân Pháp đưa đồng chí Minh Khai ra tòa án và kết án 5 năm tù khổ sai,

20 năm biệt xứ. Ngày 11 tháng 3 năm 1941, Tòa án thượng thẩm Sài Gòn của địch lại nâng án lên 5 năm tù khổ sai, 20 năm biệt xứ, 20 năm mất quyền công dân và phạt 1.100 đồng bạc Đông Dương [5, tr.4]. Ngày 25 tháng 3 năm 1941 và ngày 03 tháng 4 năm 1941, Pháp lại đưa đồng chí ra tòa án binh Sài Gòn, xử tử hình đồng chí Minh Khai cùng các đồng chí khác bị bắt trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ với cái tội “xúi giục dân chúng làm rối loạn quốc gia” và “muru toan lật đổ chính phủ”.

Ngày 28 tháng 8 năm 1941, đồng chí bị thực dân Pháp xử tử tại nhà thương Giếng nước (nay là Bệnh viện đa khoa Hóc Môn) cùng với đồng chí Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến.

### 3.3.3. Đồng chí Võ Văn Tần (1891-1941) - nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ

Võ Văn Tần sinh ngày 21 tháng 8 năm 1891, ở ấp Bình Tả, làng Đức Hòa, quận Đức Hòa, tỉnh Chợ Lớn (nay thuộc xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An). Cha ông là Nguyễn Văn Sự, mẹ là Nguyễn Thị Toàn, gia đình ông có 7 anh chị em đều là đảng viên Đảng Cộng sản. Ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước, ba mẹ ông đều tham gia nghĩa quân của cuộc khởi nghĩa 18 thôn vườn trầu ở Bà Điểm năm 1885. Năm 1926, đồng chí tham gia Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ở Nam Kỳ. Ông tích cực tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao lòng yêu nước cho thanh niên ở Đức Hòa.

Năm 1929, An Nam cộng sản Đảng ra đời ở Nam Kỳ, ông là một trong những đảng viên đầu tiên của tổ chức này ở Gia Định. Ngày 06/3/1930, Võ Văn Tần cùng với 6 người khác: Võ Văn Ngân, Võ Văn Tây, Võ Thị Phái, Nguyễn Văn Thỏ, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Sậy bí mật tổ chức cuộc họp tại Đức Hòa, đồng ý chuyển chi bộ An Nam cộng sản Đảng thành chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ gồm 7 người và đồng chí Võ Văn Tần làm Bí thư [21, tr.4]. Ngày 04 tháng 6 năm 1930, Võ Văn Tần chỉ đạo một cuộc biểu tình tại xã Tân Phú Thượng, Đức Hòa, bị địch đàn áp biểu tình và bắt bớ, và xử tử nhiều người. Sau cuộc biểu tình, Pháp kết án tử hình vắng mặt đối với đồng chí Võ Văn Tần và thông báo truy nã khắp nơi, vì vậy ông rút vào hoạt động bí mật. Năm 1931, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Chợ Lớn thay đồng chí Lê Quang Sung. Năm 1932, ông được điều động sang làm Bí thư Tỉnh ủy Gia Định đặt trụ sở tại Bà Điểm, Hóc Môn với chủ trương đi sâu xuống cơ sở, tuyên truyền giác ngộ quần chúng. Ông cho ra đời tờ báo Lao động, cơ quan tuyên truyền của tỉnh, đồng thời khôi phục và củng cố các cơ sở Đảng ở vùng Bà Điểm – Hóc Môn nói riêng và Nam Kỳ nói chung. Năm 1937, Võ Văn Tần được cử làm Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ và được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1939, ông tham dự cuộc họp Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 tại Bà Điểm, Hóc Môn do đồng chí Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư chủ trì, cùng các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu. Hội nghị nhấn mạnh giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng và chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương. Võ Văn Tần nhận nhiệm vụ chỉ đạo việc thi hành nghị quyết của Hội nghị đến các tỉnh Nam Kỳ. Ngày 21/4/1940, ông bị bắt tại xã Tân Xuân, Hóc Môn. Ngày 28/8/1941, ông bị xử tử cùng với các đồng chí Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến tại nhà thương Giếng nước (nay là Bệnh viện đa khoa Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh). Trên tường xà lim, ông để lại bút tích, nhắn nhủ các đồng chí ở lại “Thà mình chết, không khi nào mình giết chết phong trào cách mạng” [20, tr.143-149].

### 3.3.4. Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến (1901-1941) - nguyên Thành ủy viên Sài Gòn-Chợ Lớn

Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến tức Trương Xuân Chinh (còn có tên gọi là giáo Hoài, Hải Đông, Huê Lâm, Huê Tiến, Anh Hai Bắc Kỳ, Anh Hai kỹ sư, ông Hai họa sĩ, thầy giáo Hai...), sinh ngày 05 tháng 3 năm 1901 tại làng Lũng Xuyên, tổng Yên Khê, huyện Duy Tiên (nay là tổ dân phố Lũng Xuyên, phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên), tỉnh Hà Nam trong một gia đình nhà Nho yêu nước. Cha ông là Nguyễn Hữu Lập làm lục sự ở huyện Tiên Lãng, An Lão (Kiến An), Hải Phòng, sau đó bị điều động lên châu Thạch An – Cao Bằng. Năm 1924, sau cha mất, ông trở về quê mở trường dạy học, ông gọi mở cho học trò về tinh thần và truyền thống yêu nước. Năm 1925 – 1926, ông tham gia cuộc đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu và đưa tang cụ Phan Chu Trinh. Năm 1927, ông được kết nạp vào Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Lũng

Xuyên và được bầu làm Bí thư chi bộ. Đây là Chi hội Việt nam Cách mạng thanh niên đầu tiên ở Hà Nam. Với nhiệm vụ là tuyên truyền xây dựng cơ sở cách mạng ở Lũng Xuyên, Thận Tu, Hòa Mạc, Văn Bút, Tường Thụy, Lôi Hà tập hợp nhiều tổ chức quần chúng như Hội tương tế, Hội hiếu hỷ, ông còn mở trại chăn nuôi, mở cửa hàng bán thuốc bắc – một mặt làm nơi hoạt động của những người yêu nước, mặt khác lấy tiền ủng hộ các cơ sở cách mạng [20, tr.261].

Tháng 11/1929, đồng chí Nguyễn Hữu Tiến trở thành một trong 6 đảng viên đầu tiên và là Bí thư Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng của huyện Duy Tiên, gồm: Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Doãn Cháp, Vũ Văn Uyên (Vũ Uyển), Nguyễn Hữu Trạc, Phạm Văn Tô, Phạm Văn Bình. Tháng 9/1930, Ban Tỉnh ủy lâm thời Hà Nam được thành lập, gồm 3 đồng chí: Lê Công Thanh, Nguyễn Duy Huân và đồng chí Nguyễn Hữu Tiến, do đồng chí Lê Công Thanh làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Hữu Tiến được phân công phụ trách công tác Tuyên huấn. Ngoài ra, ông còn lãnh đạo, tổ chức buổi mít tinh, biểu tình nhằm động viên tinh thần cách mạng thêm một bước cao hơn, làm cho thanh thế cách mạng ngày càng sâu rộng. Khẩu hiệu được sử dụng trong buổi biểu tình là: Bãi bỏ sưu cao thuế nặng, phu phen tạp dịch; Giảm tô, giảm tức; Ủng hộ phong trào Xô Viết-Nghệ Tĩnh; Ủng hộ nông dân Tiền Hải; Đả đảo chủ nghĩa đế quốc; Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm [20, tr.263]. Năm 1931, ông bị bắt tại Hà Nội sau đó di lý về sở mật thám Nam Định, sau đó bị đưa đi khắp các nhà tù Thái Bình, Phủ Lý, Hà Nội. Năm 1932, ông bị kết án tử hình, sau đó được giảm xuống khổ sai, chung thân, tiếp tục giảm án xuống còn 20 khổ sai, 20 năm quản thúc và đày lên nhà tù Sơn La. Đến ngày 15 tháng 12 năm 1933, Pháp lại chuyển ông ra nhà tù Côn Đảo cùng các đồng chí Lê Duẩn, Trần Quang Tạng, Nguyễn Văn Phúc. Tại Côn Đảo, đồng chí được cử vào Ban lãnh đạo của chi bộ nhà tù. Tháng 01/1935, đồng chí được chi bộ Đảng nhà tù Côn Đảo bố trí cho vượt ngục trở về đất liền hoạt động, nhưng do gió thổi mạnh nên bị lạc hướng, thuyền lại dạt vào đảo và bị địch bắt, trừng phạt trong hầm xay lúa, phải chịu nhiều cực hình vì tội trốn tù. Tháng 4/1935, đồng chí Nguyễn Hữu Tiến cùng các đồng chí Tống Văn Trân, Phạm Hồng Thái, Tạ Uyên, Nguyễn Văn Trọng, Phạm Văn Thắm, Trần Quang Tạng được chi bộ Đảng tạo điều kiện vượt ngục lần thứ 2 và cập bến Vĩnh Châu, Bạc Liêu an toàn, ông được phân công về hoạt động ở vùng Long Xuyên. Tại đây, ông trong vai thầy giáo về dạy học ở ấp Long Điền với bí danh Huệ Lâm và lấy nơi đây làm chỗ dừng chân để thực hiện chủ trương “Tự đốt lửa” của chi bộ nhà tù Côn Đảo. Đầu năm 1937, Nguyễn Hữu Tiến được Liên Tỉnh ủy Long Xuyên điều về Chợ Mới, nơi có phong trào cách mạng hoạt động mạnh nhất tỉnh, với bí danh Huệ Tiến. Đồng chí tham gia tổ chức nhiều cuộc mít tinh, tuyên truyền, vận động nhân dân đấu tranh công khai, hợp pháp đòi tự do dân chủ, cơm áo, hòa bình. Qua đó, tập hợp lực lượng, phát triển tổ chức làm cho nhân dân tin tưởng, tham gia cách mạng. Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9/1939), đồng chí Nguyễn Hữu Tiến được cử thay đồng chí Nguyễn Kim Nha làm Bí thư Liên Tỉnh ủy Long Xuyên gồm các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Hà Tiên, Rạch Giá, Sa Đéc (nay thuộc các tỉnh An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu) [16, tr.5]. Tháng 3/1940, đồng chí được điều về hoạt động ở Xứ ủy Nam Kỳ, là Xứ ủy viên, Thành ủy viên Thành ủy Sài Gòn - Gia Định với bí danh Hai kỹ sư, phụ trách cơ quan ấn loát của Đảng, in ấn nhiều tài liệu quan trọng và có nhiều đóng góp cho công tác tuyên truyền của Xứ ủy, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định. Buổi tối ngày 30 tháng 7 năm 1940, ông cùng đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai - Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định đến làm việc tại một cơ sở cách mạng ở làng Chà Và giáp nội thị Sài Gòn, 2 đồng chí bị mật thám Pháp vây bắt. Địch đã dùng nhiều cực hình tra tấn hết sức dã man, nhưng đồng chí vẫn kiên cường chịu đựng, giữ trọn khí tiết người cộng sản. Không khai thác được gì, Pháp chuyển đồng chí sang Khám Lớn Sài Gòn. Ngày 17/5/1941, thực dân Pháp mở phiên tòa xét xử, buộc đồng chí Nguyễn Hữu Tiến cùng một số đồng chí lãnh đạo khác của Đảng về tội “có trách nhiệm đối với cuộc Khởi nghĩa Nam kỳ” và kết án tử hình [15, tr.4]. Ngày 28/8/1941, đồng chí Nguyễn Hữu Tiến bị xử bắn tại Ngã tư Giếng nước, Hóc Môn, Gia Định (nay là Bệnh viện Đa khoa huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh) cùng với các đồng chí: Hà Huy Tập, Võ Văn Tần tức Biện Tần, Nguyễn Thị Minh Khai.

### 3.4. Ý nghĩa của chứng tích lịch sử Nhà thương Giếng nước

Từ năm 1941, sau khi Pháp xử tử các đồng chí lãnh đạo Đảng tại Nhà thương Giếng nước cho đến nay, chứng tích vẫn chưa được xếp hạng di tích, chỉ có tấm bia tưởng niệm (vì vậy còn có tên gọi Bia tưởng niệm Nhà thương Giếng nước) nằm trong khuôn viên của Bệnh viện Đa khoa Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Hằng năm, vào ngày 28/8, huyện ủy, UBND huyện Hóc Môn tổ chức dâng hương, dâng hoa tại di tích và làm giỗ tưởng nhớ đến các đồng chí nguyên lãnh đạo Trung ương, Xứ ủy, Tỉnh ủy cùng hàng ngàn chiến sĩ đã hi sinh trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Tuy chưa được xếp hạng di tích nhưng chứng tích lịch sử Nhà thương Giếng nước có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với cách mạng Việt Nam, tố cáo tội ác của thực dân Pháp; tưởng nhớ và tri ân các đồng chí lãnh đạo Đảng – là những người con ưu tú có tinh thần đấu tranh bền bỉ, sẵn sàng hi sinh cho nền độc lập, tự do của dân tộc; giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ sau.

- Chứng tích là nơi ghi dấu tội ác của thực dân Pháp

Bia tưởng niệm đánh dấu địa điểm mà thực dân Pháp đã dựng trường bắn để xử tử một cách dã man các nhà lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản Đông Dương và nhiều chiến sĩ cách mạng tham gia Khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940. Sự kiện này tố cáo tội ác tày trời, sự đàn áp khốc liệt của chế độ thực dân đối với những người yêu nước và khát vọng độc lập của dân tộc Việt Nam. Đồng thời, nơi đây còn là biểu tượng của sự hi sinh của những người con ưu tú của dân tộc, những người đã hiến dâng cả cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng đất nước. Bia tưởng niệm là biểu tượng cho sự hy sinh cao cả, tinh thần bất khuất và ý chí chiến đấu kiên cường của các chiến sĩ cách mạng.

- Tưởng nhớ và tri ân các anh hùng liệt sĩ: Bia tưởng niệm là nơi trang trọng để tưởng nhớ tên tuổi và công lao của các nhà lãnh đạo như Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến và nhiều chiến sĩ vô danh khác đã ngã xuống vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Đồng thời thể hiện lòng biết ơn sâu sắc của thế hệ sau đối với những người đã không tiếc máu xương để giành lại hòa bình cho dân tộc.

- Giáo dục truyền thống cách mạng

Bia tưởng niệm là một chứng tích lịch sử có giá trị giáo dục sâu sắc, giúp thế hệ trẻ hiểu rõ hơn về giai đoạn đấu tranh gian khổ nhưng đầy oanh liệt của dân tộc, nhắc nhở về giá trị của độc lập, tự do, biết giữ gìn và phát huy tinh thần yêu nước. Việc tìm hiểu về bia tưởng niệm Nhà thương Giếng nước khơi dậy lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và cũng là ý thức trách nhiệm của mỗi người trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Bia tưởng niệm trở thành một địa điểm quan trọng để người dân, du khách đến tham quan, tìm hiểu về lịch sử địa phương và lịch sử cách mạng của đất nước. Nó cũng là nguồn tư liệu quý giá cho các nhà nghiên cứu lịch sử.

### 4. Kết luận

Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy Hóc Môn là địa phương giàu truyền thống văn hóa-lịch sử, được hình thành từ thời kỳ khai hoang, lập ấp của lưu dân người Việt. Quá trình tụ cư ấy, ở Hóc Môn đã hình thành nên lớp văn hóa và những đặc điểm lịch sử. Đặc biệt là những di tích, chứng tích gắn với các sự kiện lịch sử quan trọng ở Hóc Môn nói riêng và cả nước nói chung, như Nhà thương Giếng nước là một minh chứng. Chứng tích Nhà thương Giếng nước cho thấy lịch sử đau thương nhưng đầy hào hùng của dân tộc, là biểu tượng của sự hy sinh và lòng yêu nước, giá trị này không mất đi mà tồn tại cùng thời gian và năm tháng. Chứng tích Nhà thương Giếng nước còn là minh chứng cho phong trào đấu tranh cách mạng phát triển mạnh mẽ ở Nam Bộ từ khi thành lập Đảng năm 1930 đến 1941. Để đất nước giành được độc lập tự do có sự hi sinh xương máu của những người con ưu tú – và bia tưởng niệm Nhà thương Giếng nước là một biểu tượng. Vì vậy, để ghi nhận và tri ân những đóng góp và hi sinh của các đồng chí lãnh đạo và người dân Hóc Môn trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị như sau: Thứ nhất, tiếp tục khảo cứu và sưu tầm tài liệu về chứng tích Nhà thương Giếng nước. Thứ hai, đề nghị công nhận di tích cấp Thành phố cho chứng tích Nhà thương Giếng nước – để có thể lưu truyền cho thế hệ mai sau hiểu về lịch sử, hiểu về sự hi sinh của thế hệ cha ông, là động lực thúc đẩy tinh thần yêu nước một cách đúng đắn và có trách nhiệm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. H. Le, “Nga Ba Giong – Historical Site Associated with the Southern Uprising,” *Ho Chi Minh City Journal of Social Sciences*, no. 11, pp. 61-68, 2024.
- [2] T. H. Le, “A Study on Revolutionary Historical Relics of Hoc Mon District, Ho Chi Minh City,” Institutional Research Project conducted by the Southern Institute of Social Sciences, 2024.
- [3] N. T. Ta, “Comrade Nguyen Thi Minh Khai and the Vietnamese Revolution,” *Journal of Party History*, no. 3, pp. 83-87, 2015.
- [4] Ho Chi Minh City Party Committee Propaganda Department, “Comrade Nguyen Thi Minh Khai: The heroic spirit of a female communist Party member,” Ho Chi Minh City Party Committee Portal, Sep. 30, 2021. [Online]. Available: <https://www.hcmcpv.org.vn>. [Accessed December 22, 2024].
- [5] H. T. Dang, “Female fighter Nguyen Thi Minh Khai – A lifetime sacrifice for national independence and the happiness of the people,” *Nghe An Newspaper*, Oct. 19, 2024. [Online]. Available: <https://www.baonghean.vn>. [Accessed March 20, 2025].
- [6] T. P. Nguyen, “Comrade Ha Huy Tap and the Struggle, Construction, and Protection of the Party,” *Journal of Party History*, no. 4, pp. 63-68, 2016.
- [7] X. T. Nguyen, “Comrade Ha Huy Tap – A Resilient Communist Fighter, Sharp Theorist, and Exemplary Party Member,” *Journal of Theoretical Education*, no. 3, pp. 16-21, 2021.
- [8] T. K. D. Nguyen, “General Secretary Ha Huy Tap and Party-Building Work,” *Journal of Party History*, no. 5, pp. 73-76, 2021.
- [9] Ho Chi Minh City Party Committee Propaganda Department, “General Secretary Ha Huy Tap – A resilient communist who devoted his entire youth to the revolution and the glorious cause of the Party and the Nation,” Ho Chi Minh City Party Committee Portal, Apr. 24, 2021. [Online]. Available: <https://www.hcmcpv.org.vn>. [Accessed January 20, 2025].
- [10] B. D. Dang, “Ha Huy Tap – A talented leader who made great contributions to the Party and the Vietnamese revolution,” *Nhan Dan Newspaper*, Apr. 15, 2016. [Online]. Available: <https://special.nhandan.vn>. [Accessed February 15, 2025].
- [11] K. Le, “Ha Huy Tap – A shining example of a communist,” National Museum of History, Apr. 02, 2013. [Online]. Available: <https://baotanglichsu.vn>. [Accessed January 17, 2025].
- [12] National Political Publishing House, *Ha Huy Tap – Selected works*. Hanoi: National Political Publishing House, 2006.
- [13] Q. D. Nguyen, T. G. Huynh, and T. X. T. Pham, “The Contributions of Comrade Vo Van Tan to Long An Province and the Vietnamese Revolution,” *Journal of Political Science*, no. 9, pp. 36-42, 2021.
- [14] V. T. Dang, “Vo Van Tan – A Resilient Communist Fighter and Outstanding Leader of the Party and Vietnamese Revolution,” *Journal of Party History*, no. 11, pp. 64-67, 2016.
- [15] Truth National Political Publishing House, “Nguyen Huu Tien – The first person to design the national flag,” Aug. 20, 2019. [Online]. Available: <https://www.nxbctqg.org.vn>. [Accessed March 05, 2025].
- [16] Ha Nam Department of Home Affairs, “Nguyen Huu Tien (1901–1941),” Feb. 18, 2021. [Online]. Available: <http://snv.hanam.gov.vn/Pages/nguyen-huu-tien-1901-1941.aspx>. [Accessed December 02, 2024].
- [17] T. P. Luu, *The Southern Uprising (1940)*. Ho Chi Minh City Publishing House, 1990.
- [18] G. Tran, *The Southern Uprising, November 23, 1940*. Hanoi: National Political Publishing House, 2005.
- [19] Editorial Council for the History of the Southern Uprising, *History of the Southern Uprising*. National Political Publishing House, Hanoi, 2005.
- [20] D. Vuong, *The Communists*. Youth Publishing House, Hanoi, 1977.
- [21] People’s Committee of Long An Province, “The Party, government, and people of Long An follow the example of Comrade Vo Van Ngan, determined to build an increasingly prosperous and civilized homeland,” In *Proceedings of the Scientific Conference “Comrade Vo Van Ngan and the Vietnamese Revolution and Long An Homeland – On the occasion of the 120th anniversary of his birth (1902–2022)”*, Jointly organized by the Ho Chi Minh National Academy of Politics, the Central Propaganda Department, and the Long An Provincial Party Committee, October 2022, pp. 32–41.